TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **177** /2017/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 8 - 2017
"V/v Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc;

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 273/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2017 về việc *"Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2017 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

-*Bị đơn:* Anh Trần Văn K, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2017 nguyên đơn Trần Thị H, trình bày: Vào năm 2009 chị H và anh K tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 26/12/2009. Thời kỳ chung sống giữa chị H và anh K có 01 con chung tên: Trần Như N, sinh 01/9/2010 *(hiện nay chị H đang nuôi dạy)*.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H cho rằng không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm, nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh K. Về con chung yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, về nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đồng thời chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

- Đối với anh Trần Văn K: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng anh K đều vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh K.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc *"ly hôn, nuôi con",* nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Chị H có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh K.

[3] *Xét về mối quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải chung thủy, yêu thương nhau, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững; Nhưng ngược lại chị H và anh K không làm được điều đó, mà chị H và anh K làm cho tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh K mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị H và anh K đã sống ly thời gian dài, nhưng không thể hàn gắn trở lại và chị H cương quyết ly hôn với anh K, do đó cần chấp nhận cho chị H ly hôn với anh K là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Xét về con chung:* Đối với cháu Trần Như N, Hội đồng xét xử xét thấy cháu N hiện nay đang được chị H nuôi dạy và chị H cũng đã nêu rõ điều kiện đảm

bảo việc nuôi dạy cháu N trong việc học hành và việc trưởng thành của cháu N, nên cần giao cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh K có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này và anh K phải tôn trọng quyền của cháu N được sống với chị H là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Chị H cho rằng giữa chị với anh K không có tài sản chung và nợ chung, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà anh K vắng mặt không rõ lý do, nên chưa làm rõ được phần tài sản chung và nợ chung giữa chị H và anh K; do đó cần tách phần tài sản chung và nợ chung giữa chị H và anh K ra để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh K, khi nào anh K có yêu cầu xét thấy có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[6] *Xét về án phí:* Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, chị H đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nên cần xem xét chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn K.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Như N, sinh ngày 01/9/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dạy. Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này và ông K phải tôn trọng quyền của cháu N được sống với chị H. *(cháu Nc hiện nay chị H đang nuôi dạy).*

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị H phải nộp 300.000 đồng, chị H đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0006921 ngày 08/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS TVT;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Từ Thanh Nhung